

Bản án số: 715/2024/HS-PT
Ngày: 09/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Các Thẩm phán:

Ông Điều Văn Hằng;

Ông Phạm Văn Lợi.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**
Bà Trần Thị Minh N - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 812/2024/TLPT-HS ngày 16 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Trần Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2024/HS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Ngọc H, sinh năm 1977 tại Thanh Hoá; nơi ĐKKHKT: Thôn D, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Ngõ D, đường T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị C; có chồng Lê Văn C1 và 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02 tháng 12 năm 2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định: Ông Nguyễn Đình T - Luật sư Công ty L thuộc Đoàn luật sư thành phố H; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Vương Đình H1 sinh năm 1972; nơi cư trú: Số nhà F, tổ B, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Số nhà A đường P, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bị án Bùi Hữu N1 (tức N2), sinh năm 1964; Nơi ĐKHKTT: Số nhà D, tổ C, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam N4, Cục C2, Bộ C3; Vắng mặt.

+ Bị án Nguyễn Văn D1 sinh năm 1979; nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam S, Cục C2, Bộ C3; Vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị án khác không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không trích xuất triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Công H2, Bùi Hữu N1 và Lê Thị P làm môi giới, mua bán cổ vật và cùng bàn nhau nếu có người hỏi mua đồng đen sẽ lừa bán đồng đen giả để chiếm đoạt tiền đặt cọc của người mua. Bùi Hữu N1 và Trần Ngọc H có mối quan hệ quen biết với nhau nên N1 và H thỏa thuận về việc H sẽ tìm địa chỉ ở tỉnh Thanh Hóa để giao dịch mua bán đồng đen giả. Khoảng tháng 02 năm 2019, N1 được H dẫn đến nhà Nguyễn Văn D1 ở thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, N1 thấy bà Nguyễn Thị K (mẹ đẻ D1) có một ngôi nhà sàn phù hợp là nơi giao dịch mua, bán đồng đen giả, N1 nói với H và D1 “*Đồng đen là đồ dỏm, chỉ cần qua mặt được khách mua để ăn tiền đặt cọc*”, D1 nói “*Anh cứ yên tâm, địa điểm nhà em là an toàn, anh có khách thì cứ vào*”. Khi thống nhất xong, N1 lấy số điện thoại của D1 rồi đi về. Sau đó, N1 nhiều lần gọi điện thoại trao đổi với H và H yêu cầu phải được chia 50% số tiền chiếm đoạt được, N1 đồng ý.

Khoảng đầu tháng 4 năm 2019, bà Trần Thị H3, trú tại thôn P, xã P, huyện S, Thành phố Hà Nội là người có mối quan hệ quen biết với Lê Thị P từ trước, gọi điện nhờ P tìm người có đồng đen bán để giới thiệu bán cho ông Vương Đình H1, P đồng ý rồi gọi điện thoại cho H2 nói “*có người đến hỏi mua đồng đen*”, H2 hiểu ý nên bảo với P để gọi điện hỏi N1. Sau đó, H2 gọi điện thoại cho N1 nói “*chỗ P có người cần mua đồng đen có làm được không*” và gửi số điện thoại của P cho N1. N1 gọi điện thoại cho P thì P nói lại việc bà H3 đến hỏi mua đồng đen. Sau đó, N1 nói với H2 và P là “*làm được*”. Nhạ, P và H2 thống nhất để bà H3 liên lạc dẫn ông H1 đến gặp nhóm của N1.

Bùi Hữu N1 và Nguyễn Công T1 có mối quan hệ quen biết với nhau; N1 biết T1 có khả năng làm giả đồng đen và có các thủ đoạn đánh tráo làm người mua tin là đồng đen thật nên đã liên lạc bảo T1 đóng vai người có đồng đen bán, T1 đồng ý và yêu cầu phải cho Nguyễn Quang H4 cùng tham gia thì mới làm được, N1 đồng ý và nói với T1 “*chuẩn bị các đồ vật, khi nào thông báo thì đi làm*”. Để thực hiện việc giao dịch, T1 làm giả cục đồng đen bằng cách dùng dao đục cục gỗ to bằng ngón tay của T1, lấy chì găm vào rồi sơn màu đen để trong một hộp gỗ nhỏ màu

đen, bọc mảnh vải đỏ bên ngoài, mua hai mảnh gương có kích thước khoảng (10x10)cm về hơi một mảnh gương lên mặt chảo nóng cho rạn nứt gương và hai chiếc nhiệt kế, thay thủy ngân bằng cục chì nhỏ vào một nhiệt kế. Toàn tìm hiểu thì biết cách mọi người hay thử để xác định đồng đen là thật hay giả bằng phương pháp đưa nhiệt kế đến cạnh cục “đồng đen” thì thủy ngân trong nhiệt kế sẽ đông lại; để gương lên cục “đồng đen” thì gương sẽ rạn nứt, khi cho cục “đồng đen” vào nước thì sẽ nổi lên. Toàn trực tiếp chuẩn bị các dụng cụ nhằm mục đích nếu người mua thử đồng đen sẽ đánh tráo dụng cụ thử để người mua tin là thật.

Sau khi bà H3 được P nói đã tìm được người có đồng đen bán, bà H3 gọi điện thoại thông báo cho ông H1 và ông H1 đồng ý mua; đồng thời, hẹn đến ngày 23/4/2019 gặp nhau tại nhà P để liên hệ, giao dịch với người có đồng đen bán. Đến ngày hẹn thì ông Nguyễn Công V (bố đẻ của T1) chết nên T1 không tham gia được. Nhạ thuê xe ô tô của anh Nguyễn Như H5, trú tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình chở N1 đến nhà P với mục đích thăm dò và tìm cách hoãn cuộc giao dịch với ông H1. Trên đường đi, N1 nhờ anh H5 vào gặp ông H1 và nói *“Bố của chủ hàng mất không đến được, hẹn hôm khác làm việc”* rồi đưa cho anh H5 một chiếc phong bì, bên trong có một mảnh gương bị rạn nứt do T1 chuẩn bị (anh H5 không biết bên trong phong bì có gì), bảo anh H5 đưa cho người trong nhà P. Đến nơi, N1 ở ngoài, anh H5 vào trong nhà P thì gặp ông H1, bà H3 và P, anh H5 đưa cho ông H1 phong bì thư mà N1 đã đưa trước đó. Sau đó, ông H1 ra xe ô tô mang 01 túi tiền vào đặt lên bàn để chứng minh có khả năng tài chính muốn mua đồng đen thật. Trước khi anh H5 ra về, ông H1 có đưa cho anh H5 một phong bì bên trong có 1.000.000 đồng bảo anh H5 gửi về viếng đám ma bố T1 hộ. Sau đó, anh H5 đưa cho N1 chiếc phong bì của ông H1 gửi viếng đám ma bố T1 và bảo đã nói với mọi người trong nhà như N1 đã nhờ.

Sau khi hoãn được giao dịch, N1 bàn bạc và thống nhất với H2, T1, H4 và P sẽ đưa ông H1 vào nhà sàn của mẹ D1 tại xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa để ông H1 tin tưởng đặt tiền cọc mua đồng đen. Đến ngày 25/4/2019, N1 gọi điện thoại cho D1 nói *“ngày mai có khách, anh sẽ đưa khách vào nhà em để kiểm tra hàng, nếu vượt qua mặt họ thì mới có tiền đặt cọc, nếu không được thì anh không có tiền xe về”*, D1 nói *“Mai anh cứ đưa khách vào”*. N1 cũng hẹn đón H tại thành phố T để cùng vào nhà D1. Sau đó, N1 gọi điện báo cho H2, P và T1 biết sáng ngày hôm sau sẽ vào nhà D1 ở Thanh Hóa để gặp ông H1 và thống nhất N1, T1 và H4 đi một xe và đón H ở Siêu thị B, H2 đi một mình, P đi cùng xe ô tô với ông H1.

Ngày 26/4/2019, N1 thuê xe ô tô của anh H5 cùng T1, H4 đi vào tỉnh Thanh Hóa. Khi đi, T1 mang theo những đồ vật để thử đồng đen đã chuẩn bị trước đó, đến khu vực siêu thị B thành phố T thì dừng lại đón H, đến thị trấn B, huyện N thì gặp H2 đi một mình một xe ô tô. Khi đến nhà D1, N1, H, H2 ngồi ở quán hát Karaoke nhà D1; D1 dẫn T1, H4 sang nhà sàn để chuẩn bị giao dịch. N1 nói với D1 *“nếu tý nữa có khách đến hỏi thì nhận là chủ nhà còn T1, H4 là anh em chú bác, nếu họ không hỏi thì thôi”*. Khi sang nhà sàn, do đã nắm được phương pháp thử đồng đen

nên T1 đề phòng nếu ông H1 không có dụng cụ thử sẽ phải nhờ người đi mua, T1 đưa cho D1 một túi nilon màu hồng đựng một chiếc nhiệt kế và chiếc gương lạnh cùng loại với những đồ vật T1 đã chuẩn bị sẵn nói “*cầm lấy, tí nữa có ai nhờ đi mua thì mang lên cho họ*”.

Sáng ngày 26/4/2019, ông H1, bà H3 đi ô tô từ thành phố Hà Nội xuống nhà ở của P ở xóm H, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam đón P đi vào Thanh Hóa. Khi đến thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, P gọi điện cho N1 bảo N1 cho người ra đón. N1 bảo D1 ra đón và nói “*Mày chỉ biết ra đón người thôi, không nói gì về hàng hóa, việc đó đã có T1, H4 lo*”. Do D1 không biết mặt ông H1 nên N1 nhờ anh H5 đi cùng. D1 và anh H5 mỗi người đi một xe máy ra thị trấn B, huyện N đón ông H1, bà H3 và P rồi đưa lên tầng hai nhà sàn của bà Nguyễn Thị K gặp T1, H4; còn D1 ở dưới gầm nhà sàn chờ. Khi gặp ông H1, T1 giới thiệu tên là “Thoại”, H4 giới thiệu tên là “Trình”. Ông H1 hỏi T1 “*Anh có phải chủ ngôi nhà này không*”, T1 nói “*không, nhà ở phía trong kia, đây là nhà cháu ruột, nhà đang có tang nên không muốn giao dịch tại nhà mà phải ra đây cho tiện*”. Ông H1 hỏi “*nghe chị P giới thiệu anh có vật gì bán*”, T1 nói “*có đồng đen, là vật gia truyền của dòng họ để lại*”, ông H1 hỏi “*có tính năng gì*”, T1 nói “*làm vỡ gương, đông thủy ngân và nổi trong nước*”. Ông H1 muốn thử các tính năng này nhưng không mang theo gương và nhiệt kế thì T1 gọi D1 vào bảo đi mua gương và nhiệt kế hộ ông H1. Diện hiệu ý không mang ngay chiếc gương và nhiệt kế mà T1 đã đưa trước đó lên luôn mà ngồi khoảng 15 phút mới mang lên đưa cho ông H1. Khi ông H1 kiểm tra thấy thủy ngân trong nhiệt kế không dịch chuyển thì bảo D1 đi mua nhiệt kế khác. D1 đã đi mua nhiệt kế khác về đưa cho ông H1 rồi ra hành lang đứng. Ông H1 kẹp nhiệt kế vào người thấy thủy ngân chuyển động thì cho vào túi màu hồng để trên chiếu. T1 nói để tôi thử cho xem rồi cầm túi nilon đựng mảnh gương, nhiệt kế do ông H1 đưa về góc nhà sàn và trao đổi chiếc túi có mảnh gương, nhiệt kế mà T1 đã chuẩn bị trước đó. Đồng thời, T1 lấy chiếc hộp gỗ được bọc vải đỏ có cục đồng đen giả mang ra giữa sàn nhà và T1 nói với mọi người cục đồng đen có chất phóng xạ không nên đến gần, T1 bảo D1 ngắt cầu dao điện nhà để không bị cháy nổ để cho ông H1 tin.

Do nghĩ là đồng đen thật, có chất phóng xạ nên ông H1 không đến gần mà bảo T1 tự thử, T1 cầm ra một chiếc đĩa sứ, mở chiếc hộp gỗ lấy cục đồng đen giả, nhiệt kế ra cho lên chiếc đĩa và úp mảnh gương lại; khoảng mấy phút sau, T1 nói được rồi và cầm chiếc gương, nhiệt kế lại gần cho ông H1 kiểm tra, khi ông H1 đang xem thì bà H3 đưa điện thoại ra chụp ảnh cục đồng đen thì H4 ngăn cản không cho chụp. Kiểm tra xong ông H1 yêu cầu đưa vật đó vào chai nước thì T1 làm theo và lại gần cho ông H1 xem. Sau đó, T1 cho cục Đ giả vào hộp gỗ và bọc vải đỏ lại như cũ để dưới sàn nhà. Lúc này, ông H1 đã tin là đồng đen thật nên hỏi T1 muốn bán thế nào, T1 nói giá 300 tỷ đồng, ông H1 nói bớt thì T1 đồng ý bớt 10% còn 270 tỷ đồng, ông H1 đồng ý mua. T1 yêu cầu ông H1 đặt cọc trước 500 triệu đồng, ông H1 đồng ý nhưng yêu cầu phải viết giấy cam kết và có P chứng kiến vì P là người giới thiệu, T1 đồng ý. Sau khi thỏa thuận xong ông H1 nhờ D1

đi mua két sắt để cất giữ cục đồng đen, khi mua được két sắt ông H1 cho chiếc hộp gỗ bên trong có cục đồng đen vào két rồi khóa lại, ông H1 giữ chìa khóa két rồi đưa cho T1 500 triệu đồng để đặt cọc mua cục đồng đen. Sau đó, hai bên viết giấy giao nhận tiền đặt cọc và đưa cho T1, H4, H3 ký vào giấy, P chứng kiến. Sau đó, ông H1 hẹn ngày hôm sau giao dịch mua bán, trước khi trả tiền sẽ thử lại lần nữa mà phải do hai kỹ thuật viên của ông H1 trực tiếp thử, T1 đồng ý.

Sau khi ông H1, bà H3 và P ra về, H4 mang số tiền 500 triệu đồng của ông H1 đặt cọc sang phòng chờ ở quán hát karaoke nhà D1 đưa cho N1 và nói “*chiến lợi phẩm của các anh đây*”, khi đó N1 đang ngồi cùng bàn với H2 và H, còn D1 ngồi ở bàn bên cạnh. Nhạ chia cho H 250 triệu đồng nói “*đây là 250 triệu đồng, tiền của chị em mày*” xong rút lại 10 triệu đưa cho T1 bảo mang sang cho mẹ D1, N1 chia cho H2 50 triệu đồng, T1 50 triệu đồng, H4 50 triệu đồng và đưa H2 40 triệu đồng để đưa cho P, Nhạ giữ 60 triệu đồng. Sau khi được chia 240 triệu đồng, H chia cho D1 40 triệu đồng. Sau đó N1, T1, H4 lên xe ô tô đi về.

Đi được một đoạn thì N1 bảo anh H5 dừng lại, N1 gọi điện cho H2 đến và bảo đưa cho P 30 triệu đồng thôi và N1 lấy lại 10 triệu đồng. Trên đường về, Nhạ trả tiền thuê xe ô tô cho anh H5 số tiền 20 triệu đồng và nói trả tiền thuê cả chuyến trước và sau này chờ tiếp.

Với mục đích chiếm đoạt thêm tiền đặt cọc, trên đường về T1 gọi điện cho ông H1 hỏi về thông tin cá nhân của hai nhân viên kỹ thuật để làm thủ tục cúng lễ tâm linh. Ngày 29/4/2019, tại nhà ở của Lê Thị P ông H1 đưa tiếp cho T1 1.000.000.000 đồng đặt cọc để mua đồng đen.

Sau khi giao tiền đặt cọc để mua đồng đen, ông H1 nhiều lần liên lạc với T1 để giao dịch mua bán đồng đen nhưng T1 tắt máy không liên lạc được. Ngày 05/10/2019, ông Vương Đình H1 làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H để điều tra, xử lý theo quy định pháp luật.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Trần Ngọc H đã bỏ trốn khỏi địa phương; ngày 31/3/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H ra Lệnh bắt bị can để tạm giam và Lệnh khám xét nơi ở đối với Trần Ngọc H nhưng không bắt được. Ngày 14/4/2020, Cơ quan điều tra Công an tỉnh H ra Quyết định truy nã số 01/PC02 đến ngày 02/12/2023, Cơ quan điều tra Công an tỉnh H bắt được H khi đang trốn tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Kết quả nhận dạng ảnh, Bùi Hữu N1 nhận được ảnh số 03; Nguyễn Văn D1 nhận được ảnh số 03; Nguyễn Công T1 nhận được ảnh số 01; Nguyễn Quang H4 nhận được ảnh số 02. Các ảnh số 01, 02, 03 là Trần Ngọc H.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra để cho Trần Công H6 tự về lại vị trí ngồi của từng người khi Bùi Hữu N1 chia tiền; theo đó, Trần Ngọc H ngồi ở vị trí số 3 bàn số 2.

Kết quả thu giữ điện tín của số thuê bao điện thoại 0936.886.988, chủ thuê bao Trần Ngọc H từ ngày 24/4/2019 đến ngày 28/4/2019, bị cáo Trần Ngọc H đã gọi điện thoại 11 lần đến số điện thoại 0963.252.848 của Bùi Hữu N1.

Về vật chứng thu giữ và trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam. Quá trình điều tra, Bùi Hữu N1, Phạm Công H2, Lê Thị P, Nguyễn Công T1, Nguyễn Văn D1 và Nguyễn Quang H4 yêu cầu bị cáo Trần Ngọc H phải trả lại số tiền 200 triệu đồng cho N1, H2, P, T1, D1, H4 do đã bồi thường cho ông Vương Đình H1 thay cho H theo Bản án số 01/2021/HS-ST. Tại phiên tòa, bị án Nguyễn Văn D1 không yêu cầu bị cáo H phải trả lại số tiền 20.000.000 đồng mà bị án D1 đã bồi thường cho bị hại; bị án Bùi Hữu N1 yêu cầu bị cáo H phải trả lại số tiền 50.000.000 đồng mà N1 đã bồi thường cho bị hại theo phần của H.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2024/HS-ST ngày 05/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã tuyên bố:

Bị cáo Trần Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 47, Điều 48 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 12 năm 2023.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Ngọc H hoàn lại Bùi Văn N3 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); hoàn lại Phạm Công H2 số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); hoàn lại Nguyễn Công T1 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); hoàn lại Nguyễn Quang H4 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và hoàn lại Lê Thị P số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/6/2024 bị cáo Trần Ngọc H có đơn kháng cáo cho rằng bị cáo không có tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Ngọc H từ chối ông Nguyễn Đình T, Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H bào chữa cho bị cáo và thực hiện quyền tự bào chữa cho mình. Quá trình tranh tụng, bị cáo xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của N3, P, H2, H4, T1, D1 và cho rằng bị cáo bị oan.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Ngọc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan; mức hình phạt 14 năm tù đối với bị cáo là phù hợp. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, do đó không có căn cứ xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, tại lời nói sau cùng bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết; đồng thời khai nhận có trao đổi với N3 về việc tìm kiếm địa điểm và giới thiệu cho N3 căn nhà sàn của bà K làm nơi thực hiện hành vi buôn bán đồng đen giả; giữa bị cáo và N3 có thỏa thuận sẽ chia 50% số tiền chiếm đoạt được cho bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Ngọc H có đơn kháng cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Ngọc H đều không thừa nhận hành vi phạm tội và cho rằng bị cáo có giới thiệu Nguyễn Văn D1 cho Bùi Hữu N1 đến quán của D1 để giao dịch mua bán đồ gia bảo (thiên thạch); khi đến nhà D1, bị cáo không ở đó mà đi có việc, sau đó quay lại được bị án Nhạ cho 50.000.000 đồng (tiền lộ) do N1 đã giao dịch thành công. Bản thân bị cáo không bàn bạc, thống nhất gì với N1 về việc bán (thiên thạch) và không được N1 chia số tiền như bản án sơ thẩm quy kết. Tuy nhiên, căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị án trong cùng vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Với mục đích chiếm đoạt tiền của ông Vương Đình H1 (người có nhu cầu mua đồng đen); Bùi Hữu N1 bàn với Trần Ngọc H và được H dẫn đến ngôi nhà sàn của bà Nguyễn Thị K (mẹ Nguyễn Văn D1) ở thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, N1 thấy ngôi nhà sàn của bà K phù hợp với hành vi lừa đảo nên N1, H và D1 đã thống nhất lấy địa điểm ngôi nhà sàn của bà K làm nơi thực hiện hành vi phạm tội. Sau đó, N1 nhiều lần gọi điện trao đổi với H và H yêu cầu phải được chia 50% số tiền chiếm đoạt được, N1 đồng ý. Đến ngày 26/4/2019, N1 thuê xe ô tô của anh H5 cùng T1 và H4 đi đến Thanh Hoá đón H và H2; sau đó, đến quán Karaoke nhà D1 thì N1, H và H2 ngồi tại quán; còn D1 dẫn T1, H4 sang nhà sàn của bà Nguyễn Thị K để thực hiện hành vi mua bán đồng đen giả. Tại ngôi nhà sàn của bà K, Nguyễn Công T1 và Nguyễn Quang H4 đã đưa ra thông tin và dùng các

thủ đoạn gian dối làm cho ông Vương Đình H1 tin tưởng có đồng đen thật và đồng ý mua; đồng thời đặt cọc 500.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, N1 chia cho H2, T1, H4 mỗi người 50.000.000 đồng, P 30.000.000 đồng, N1 50.000.000 đồng, H 240.000.000 đồng, trả anh H5 tiền thuê xe 20.000.000 đồng và cho bà Nguyễn Thị K (chủ nhà sàn) 10.000.000 đồng; sau đó H chia cho D1 40.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Ngọc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Trong vụ án này, bị cáo H mặc dù không trực tiếp tham gia giao dịch với người bị hại nhưng bị cáo là người đã giới thiệu địa điểm ngôi nhà sàn của bà K (mẹ của bị án D1) cho N1 để D1, T1 và H4 trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và được N1 chia cho số tiền nhiều nhất. Vì vậy, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức nên cùng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 500.000.000 đồng chiếm đoạt của người bị hại.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá, xem xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; đồng thời xem xét thái độ của bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải đối với hành vi phạm tội của mình và không nhận tội, sau khi phạm tội bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án nên đã xử phạt bị cáo 14 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, quá trình tranh tụng bị cáo không khai nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của bị cáo trong vụ án, bị cáo không trực tiếp trao đổi và nhận tiền của người bị hại; đồng thời xin giảm hình phạt. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo và xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo và sự khoan hồng của pháp luật đối với người biết ăn năn, hối cải.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã buộc Bùi Văn N3, Phạm Công H2, Nguyễn Công T1, Nguyễn Quang H4, Lê Thị P và Nguyễn Văn D1 liên đới trả lại cho bị hại (ông Vương Đình H1) số tiền 500.000.000 đồng; trong đó có cả phần của bị cáo H. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc Trần Ngọc H phải hoàn lại tổng số tiền 200.000.000 đồng đã chiếm hưởng cho các bị án, cụ thể: Bùi

Văn N3 số tiền 50.000.000 đồng, Phạm Công H2 số tiền 10.000.000 đồng, Nguyễn Công T1 số tiền 50.000.000 đồng, Nguyễn Quang H4 số tiền 50.000.000 đồng và Lê Thị P số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ. Đối với số tiền 20.000.000 mà Nguyễn Văn D1 đã trả thay phần bị cáo, tại phiên toà bị án Diện không đề nghị bị cáo H trả lại nên Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bị cáo H phải trả lại cho D1 số tiền này là đúng quy định.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Ngọc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 355, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2024/HS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam; cụ thể như sau:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 47; Điều 48 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 02/12/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Ngọc H phải hoàn trả lại cho Bùi Văn N3 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), Phạm Công H2 số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), Nguyễn Công T1 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), Nguyễn Quang H4 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và Lê Thị P số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc H phải không chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo (qua TTG);
- Những NTGTTK;
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Hải

